



## **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội**

Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất tóm tắt theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam đã được kiểm toán

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (được gọi tắt là "Ngân hàng") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### NGÂN HÀNG

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992, có thời hạn 99 năm. Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười tám (18) chi nhánh, bốn mươi bảy (47) phòng giao dịch và bốn (4) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Ngân hàng có một công ty con là Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội, với tỷ lệ sở hữu 100%.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Tóm tắt về kết quả kinh doanh và chi trả cổ tức của Ngân hàng và công ty con như sau:

	<i>Năm nay triệu đồng</i>	<i>Năm trước triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần trong năm	476.321	407.547
Cổ tức tạm ứng công bố trong năm	(180.000)	(280.000)
Lợi nhuận để lại cuối năm	369.141	130.160

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2011, Ngân hàng đã có thông báo về việc trả cổ tức đợt hai năm 2010. Theo thông báo, tỷ lệ cổ tức lần 2 là 6% (tương đương 600 đồng/cổ phiếu) và 28 tháng 1 năm 2011 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

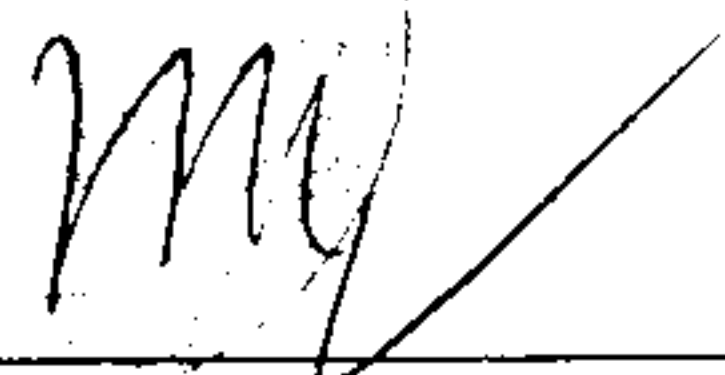
Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

  
Bà Bùi Thị Mai  
Phó Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 01 năm 2011



Số tham chiếu: 60755044/14681553

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội ("Ngân hàng") và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh đi kèm như được trình bày từ trang 4 đến trang 64 ("các báo cáo tài chính hợp nhất"). Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng và các công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



*Ernst & Young Vietnam W.*  
Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

*Hoàng Thị Hồng Minh*

Võ Tấn Hoàng Văn  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0264/KTV

*Hoàng Thị Hồng Minh*  
Hoàng Thị Hồng Minh  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0761/KTV

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
<b>TÀI SẢN</b>			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	348.634	177.159
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN")	4	34.087	237.563
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác	5	7.692.904	8.619.783
Tiền, vàng gửi tại TCTD khác	5.1	7.673.054	8.542.171
Cho vay các TCTD khác	5.2	20.000	77.612
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	5.2	(150)	-
Chứng khoán kinh doanh	6	241.113	899.409
Chứng khoán kinh doanh		267.813	916.356
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(26.700)	(16.947)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	5.210
Cho vay khách hàng		18.300.130	13.138.567
Cho vay khách hàng	8	18.684.558	13.358.406
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(384.428)	(219.839)
Chứng khoán đầu tư	10	7.427.959	5.268.166
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	3.447.370	3.481.911
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	4.004.518	1.800.774
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(23.929)	(14.519)
Góp vốn, đầu tư dài hạn		254.284	180.625
Đầu tư vào công ty con		-	-
Vốn góp liên doanh		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
Đầu tư dài hạn khác	11	281.959	202.503
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11	(27.675)	(21.878)
Tài sản cố định	12	233.008	207.895
Tài sản cố định hữu hình	12.1	172.974	180.261
Nguyên giá tài sản cố định		285.613	267.494
Hao mòn tài sản cố định		(112.639)	(87.233)
Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
Nguyên giá tài sản cố định		-	-
Hao mòn tài sản cố định		-	-
Tài sản cố định vô hình	12.2	60.034	27.634
Nguyên giá tài sản cố định		86.179	45.899
Hao mòn tài sản cố định		(26.145)	(18.265)
Bất động sản đầu tư		-	-
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	-
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	-
Tài sản có khác	13	3.455.607	506.002
Các khoản phải thu	13.2	249.415	168.137
Các khoản lãi, phí phải thu	13.1	686.546	315.790
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
Tài sản Có khác	13.3	2.519.646	22.075
Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>37.987.726</b>	<b>29.240.379</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>	<i>31/12/2009 triệu đồng</i>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>			
<b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNN</b>	<b>14</b>	<b>2.011.548</b>	<b>2.441.814</b>
<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>15</b>	<b>10.450.209</b>	<b>7.573.385</b>
Tiền gửi của các TCTD khác	15.1	10.313.744	7.573.385
Vay các TCTD khác	15.2	136.465	-
<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>16</b>	<b>16.186.048</b>	<b>13.648.467</b>
<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các công nợ tài chính khác</b>	<b>7</b>	<b>17.127</b>	<b>2.439</b>
<b>Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro</b>	<b>17</b>	<b>871.574</b>	<b>236.210</b>
<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>18</b>	<b>3.752.783</b>	<b>1.568.500</b>
<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>1.164.985</b>	<b>517.665</b>
Các khoản lãi, phí phải trả		264.827	261.602
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	19, 20	886.741	237.766
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	9	13.417	18.297
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.454.274</b>	<b>25.988.480</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>Vốn và các quỹ</b>		<b>3.533.452</b>	<b>3.251.899</b>
<b>Vốn của TCTD</b>	<b>21</b>	<b>3.001.455</b>	<b>3.001.455</b>
Vốn điều lệ		3.000.000	3.000.000
Vốn đầu tư XD CB		-	-
Thặng dư vốn cổ phần		1.455	1.455
Cổ phiếu quỹ		-	-
Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Vốn khác		-	-
<b>Quỹ của TCTD</b>	<b>21</b>	<b>162.856</b>	<b>118.353</b>
<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>		-	-
<b>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</b>	<b>21</b>	-	<b>1.931</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế</b>	<b>21</b>	<b>369.141</b>	<b>130.160</b>
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		-	-
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>37.987.726</b>	<b>29.240.379</b>



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Thuyết minh</i>	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>	<i>31/12/2009 triệu đồng</i>
<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>			-
Bảo lãnh vay vốn		751.569	696.405
Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.037.771	1.081.184
Bảo lãnh khác			
	<b>36</b>	<b>1.789.340</b>	<b>1.777.589</b>
<b>Các cam kết đưa ra</b>			
Cam kết tài trợ cho khách hàng		-	83.800
Cam kết khác		-	-
		-	<b>83.800</b>

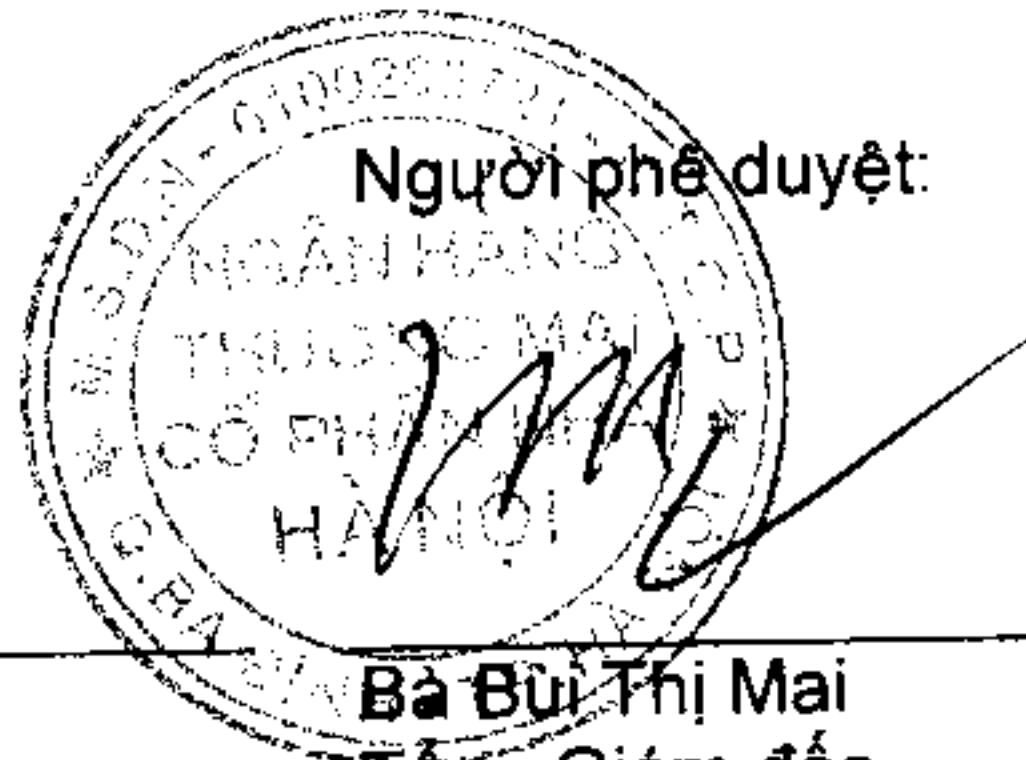
Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

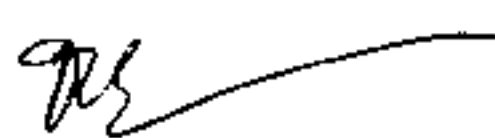
Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Thuyết minh	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	24	3.059.322	2.408.016
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	25	(2.310.698)	(1.749.422)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>748.624</b>	<b>658.594</b>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		142.198	122.406
Chi phí hoạt động dịch vụ		(32.064)	(13.105)
<b>Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>26</b>	<b>110.134</b>	<b>109.301</b>
Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	27	(14.267)	32.192
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	28	90.979	15.159
Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	29	107.900	51.299
Thu nhập từ hoạt động khác		244.263	29.515
Chi phí hoạt động khác		(28.770)	(2.878)
<b>Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác</b>	<b>30</b>	<b>215.493</b>	<b>26.637</b>
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	31	5.465	9.190
<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>1.264.328</b>	<b>902.372</b>
Chi phí tiền lương	32	(156.906)	(134.173)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	12, 32	(38.582)	(35.138)
Chi phí hoạt động khác	32	(191.456)	(170.585)
<b>TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>(386.944)</b>	<b>(339.896)</b>
<b>LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG</b>		<b>877.384</b>	<b>562.476</b>
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(275.437)	(57.626)
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác	5	(150)	-
<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>601.797</b>	<b>504.850</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(125.476)	(97.303)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
Chi phí thuế TNDN		(125.476)	(97.303)
<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>476.321</b>	<b>407.547</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>22</b>	<b>1.588</b>	<b>1.406</b>

Người lập:



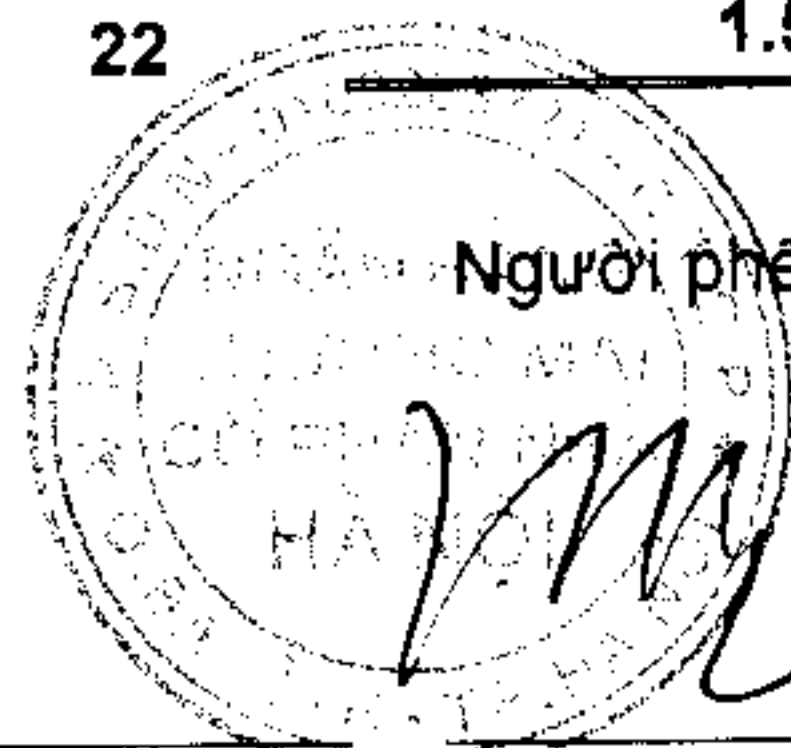
Bà Phạm Thị Đông Thành  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Bà Bùi Thị Mai  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này



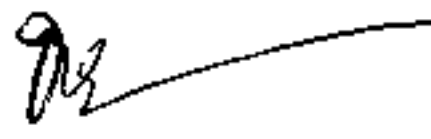
# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

## BÁO CÁO LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	<i>Thuyết minh</i>	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
<b>LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI ĐẦU NĂM</b>		130.160	70.992
Lợi nhuận thuần trong năm		476.321	407.547
<b>LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI</b>		606.481	478.539
<i>Trừ:</i>			
- Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước	21.1	(39.805)	(66.804)
- Tạm trích các quỹ năm nay	21.1	(11.402)	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		(6.000)	-
- Tạm ứng cổ tức cho năm nay	21.1	(180.000)	(280.000)
- Các khoản khác	21.1	(133)	(1.575)
<b>LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CUỐI NĂM</b>		<b>369.141</b>	<b>130.160</b>

Người lập:



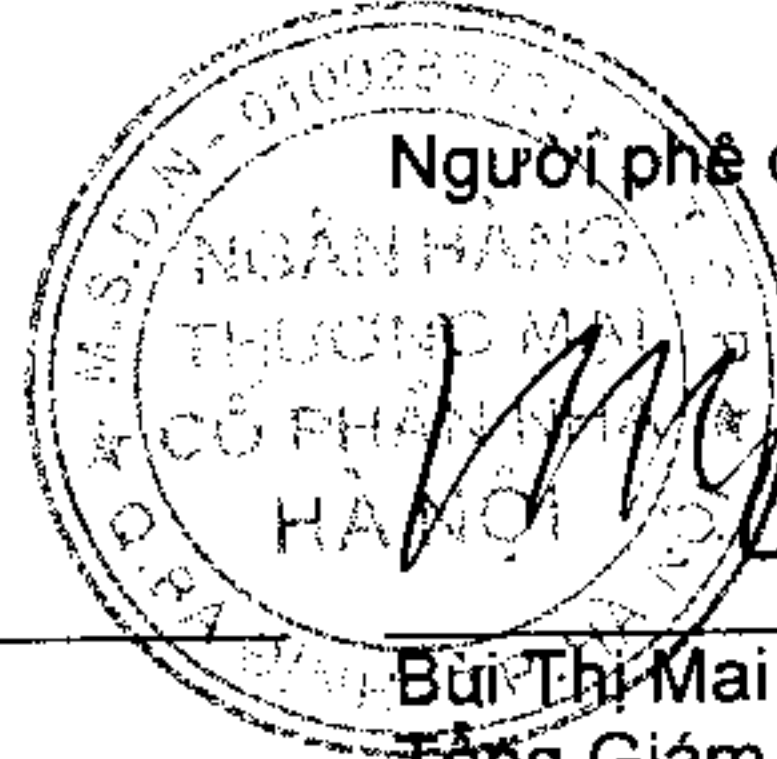
Bà Phạm Thị Đông Thành  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú  
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Thị Mai  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

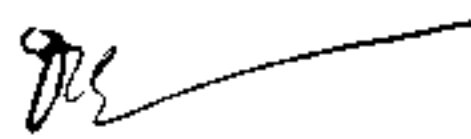
	<i>Thuyết minh</i>	<i>2010 triệu đồng</i>	<i>2009 triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		2.688.565	2.351.478
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(2.307.472)	(1.988.062)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		110.134	109.301
Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		135.000	83.202
Thu nhập khác		(24.542)	1.333
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	30	83.280	200
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(348.360)	(299.907)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	20.1	(95.014)	(101.015)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>		<b>241.591</b>	<b>156.530</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>			
(Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		978.977	(1.028.455)
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.520.660)	(2.561.116)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		5.210	(5.210)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(5.326.152)	(2.842.459)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		(115.727)	(75.039)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(2.492.237)	(128.900)
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>			
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(430.266)	2.441.814
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		2.876.824	(750.977)
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		2.537.581	2.566.518
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		2.184.284	1.568.500
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		635.364	(318.496)
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		14.688	2.439
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		602.335	121.710
Chi từ các quỹ của TCTD	21	-	(1.962)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>191.812</b>	<b>(855.103)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Mua sắm tài sản cố định	12	(67.786)	(24.717)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		147.556	101
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11	(102.803)	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	11	23.348	94.182
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	31	5.465	4.663
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>5.780</b>	<b>74.229</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	<i>Thuyết minh</i>	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tăng vốn điều lệ		-	135.000
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	23	(177.345)	(277.289)
Tiền chi ra mua cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu ngân quỹ		-	-
Các khoản khác		-	(1.447)
		<b>(177.345)</b>	<b>(143.736)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>20.247</b>	<b>(924.610)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>20.247</b>	<b>(924.610)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	33	5.715.145	6.639.755
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	33	<b>5.735.392</b>	<b>5.715.145</b>

Người lập:



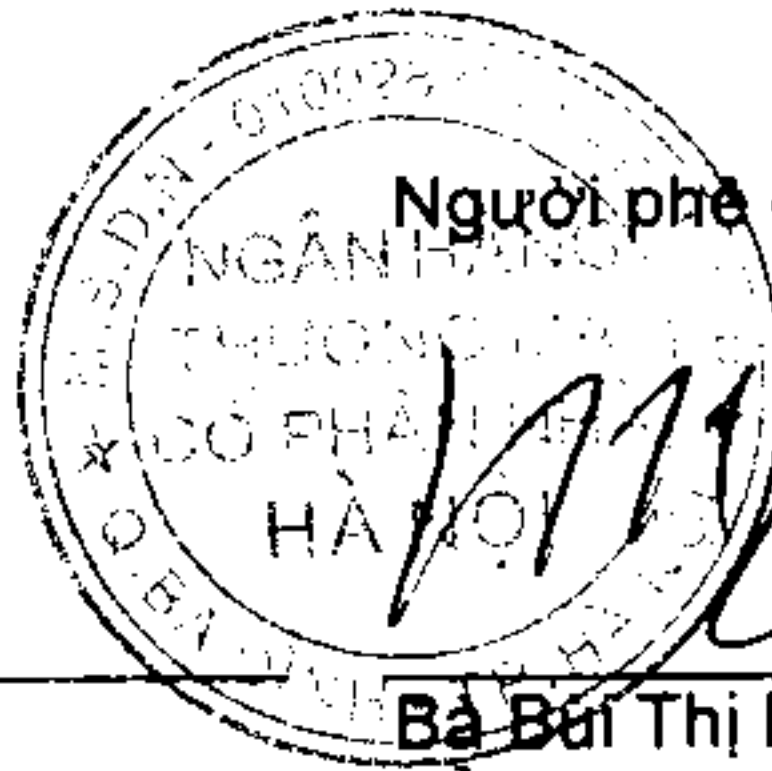
Bà Phạm Thị Đông Thành  
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Lê Cẩm Tú  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 45 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

## THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

#### *Thành lập và Hoạt động*

Ngân hàng được thành lập từ năm 1989 theo Quyết định số 6719-QĐ/UB ngày 31 tháng 12 năm 1988 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động số 0020/NH-GP ngày 6 tháng 6 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

#### *Vốn Điều lệ*

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng là 50.000 triệu đồng và được bổ sung từng thời kỳ theo kế hoạch mở rộng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 3.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 3.000.000 triệu đồng).

#### *Hội đồng Quản trị*

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Ông Nguyễn Văn Bằng	Chủ tịch	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Bùi Thị Mai	Phó Chủ tịch	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đỗ Trọng Thắng	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Dương Thị Thu Hà	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Joseph Paul Longo	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

### **Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Bà Bùi Thị Mai	Tổng Giám đốc	Được tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2008
Bà Lê Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2001
Ông Đỗ Trọng Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2003
Bà Nguyễn Dự Hương	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2005
Ông Nguyễn Tuấn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2007

### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính 2010 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Ngày bổ nhiệm</b>
Bà Trần Thị Lan Hương	Trưởng ban	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Bà Trần Thị Hà Giang	Thành viên	Được tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009
Ông Đinh Đức Tuấn	Thành viên	Được bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2009

### **Trụ sở**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội có trụ sở chính đặt tại 15-17 Ngọc Khánh, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam. Vào thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở giao dịch, mười tám (18) chi nhánh, và bốn mươi bảy (47) phòng giao dịch và bốn (04) Quỹ tiết kiệm tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

### **Công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (1) công ty con như sau:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Quyết định Thành lập số</b>	<b>Lĩnh vực Hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ % sở hữu của NH</b>
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội	Đăng ký kinh doanh số 0104000254 ngày 03 tháng 11 năm 2005 do Sở Kế hoạch Đầu tư Hà Nội cấp; Giấy phép hoạt động số 14/UBCK-GPHĐKD ngày 04 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Chứng khoán, thị trường vốn	100%

### **Nhân viên**

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.464 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 1.100 người).

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 2.1 *Tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam*

Ban Giám đốc Ngân hàng khẳng định các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các TCTD Việt Nam.

### 2.2 *Cơ sở lập các báo cáo tài chính hợp nhất*

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng" hay "triệu VNĐ"), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các quyết định bổ sung, sửa đổi Quyết định 479, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đi kèm cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

#### **Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

### 2.3 *Năm tài chính*

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.4 *Hợp nhất các báo cáo tài chính*

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của công ty con có cùng niên độ lập báo cáo và sử dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán với Ngân hàng.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

### 2.5 *Thay đổi chính sách kế toán*

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

- ▶ Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Ngân hàng không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.
- ▶ Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ nghiên cứu và phát triển đào tạo được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, trong năm Ngân hàng cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Do Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư 203/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên.

### 2.6. *Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng*

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.7 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước về việc Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2006/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

Nhóm	Loại	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không huỷ ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày ở Thuyết minh số 9.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.8 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và công ty con mua hẳn và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

### 2.9 Chứng khoán đầu tư

#### 2.9.1 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.9 Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

#### 2.9.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng và công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư".

#### 2.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán lại và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.11 Đầu tư góp vốn dài hạn khác

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

### 2.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 2.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.14 *Khấu hao*

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy tính	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 7 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

(\*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê.

### 2.15 *Ghi nhận doanh thu và chi phí*

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở thực thu, thực chi.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

### 2.16 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 45). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

#### *Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

### 2.18 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản mục chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua.

### 2.19 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

### 2.20 Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 6 Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

Dự phòng cụ thể cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 2.7. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục "Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.21 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu khác ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

### 2.22 Các hợp đồng phái sinh tiền tệ

#### 2.22.1 Các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và hợp đồng tương lai ngoại tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua / bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản – khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu dương hoặc khoản mục công nợ – khoản mục "Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác" nếu âm. Chênh lệch này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn, hoán đổi và tương lai ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá chính thức do NHNN công bố. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối".

#### 2.22.2 Các hợp đồng quyền chọn ngoại tệ

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng quyền chọn tiền tệ không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Phí quyền chọn đã trả hoặc đã nhận được ghi nhận như một khoản phải thu hoặc phải trả và được phân bổ theo đường thẳng vào thu nhập hoặc chi phí trong suốt thời hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, số lãi hoặc lỗ phát sinh nhưng chưa thực hiện của giao dịch mua hoặc bán hợp đồng quyền chọn được xác định và ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, khoản mục "Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối" trên cơ sở giá thị trường, giá gốc của đối tượng quyền chọn, khối lượng giao dịch và thời hạn hiệu lực của hợp đồng.

### 2.23 Cán trừ

Tài sản và công nợ tài chính được cán trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc cán trừ và Ngân hàng và công ty con dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 2.24 *Sử dụng các ước tính*

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

### 2.25 *Lợi ích của nhân viên*

#### 2.25.1 *Trợ cấp nghỉ hưu*

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng và công ty con khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

#### 2.25.2 *Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc*

*Trợ cấp thôi việc tự nguyện:* theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

*Trợ cấp mất việc:* theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, hàng năm Ngân hàng và công ty con phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2010, Ngân hàng và công ty con đã thực hiện trích lập trợ cấp thôi việc tương đương với 1,00% tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

#### 2.25.3 *Trợ cấp thất nghiệp*

Theo Thông tư 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.





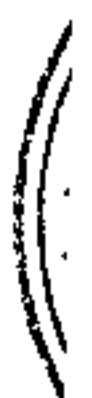
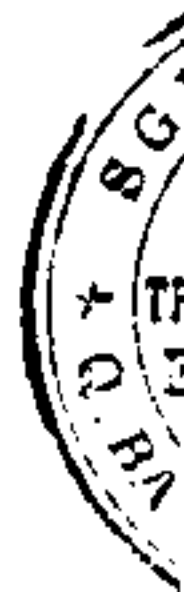
# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

## MỤC LỤC

Trang

### CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập.....	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất.....	4 - 6
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.....	7
Báo cáo lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất.....	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.....	9 - 10
Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất.....	11 - 64



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VNĐ	209.329	121.442
Tiền mặt bằng ngoại tệ	81.932	53.701
Vàng tiền tệ	57.373	2.016
	<b>348.634</b>	<b>177.159</b>

## 4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền gửi tại NHNN	<b>34.087</b>	<b>237.563</b>

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Trong năm 2010, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 0,10%/năm (trước đó là 1,20%/năm và 0,50%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 3,00% và 1,00% (2009: 3,00% và 1,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng. Đối với tiền gửi ngoại tệ, tỷ lệ này là 4,00% và 2,00% (năm 2009: 7,00% và 3,00%). Theo đó, mức dự trữ bắt buộc (bằng VNĐ và ngoại tệ) trung bình trong tháng 12 năm 2010 là 321.704 triệu đồng đối với tiền gửi VNĐ và 6.207 ngàn USD đối với tiền gửi ngoại tệ. Thu nhập lãi phát sinh từ khoản đầu tư này chỉ được sử dụng cho mục đích cụ thể theo hướng dẫn của NHNN

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

## 5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	7.673.054	8.542.171
Cho vay các TCTD khác	20.000	77.612
Dự phòng rủi ro cho vay TCTD khác	(150)	-
	<b>7.692.904</b>	<b>8.619.783</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC VÀ CHO VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

### 5.1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác

	<u>31/12/2010</u> <i>triệu đồng</i>	<u>31/12/2009</u> <i>triệu đồng</i>
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn		
- Bằng VNĐ	511.062	2.673
- Bằng ngoại tệ, vàng	292.628	26.342
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn		
- Bằng VNĐ (*)	5.491.298	7.126.783
- Bằng ngoại tệ	1.108.875	1.386.373
- Bằng vàng	269.191	-
	<b><u>7.673.054</u></b>	<b><u>8.542.171</u></b>

(\*): Trong đó có một số hợp đồng tiền gửi tại một số tổ chức tín dụng khác đã được gia hạn với số tiền là 562.100 triệu đồng.

### 5.2 Cho vay các TCTD khác

	<u>31/12/2010</u> <i>triệu đồng</i>	<u>31/12/2009</u> <i>triệu đồng</i>
Bằng VNĐ	20.000	-
Bằng vàng, ngoại tệ	-	77.612
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	(150)	-
	<b><u>19.850</u></b>	<b><u>77.612</u></b>

Trong năm, Ngân hàng trích lập dự phòng chung cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quyết định sửa đổi, bổ sung khác. Mức dự phòng trích lập được tính bằng 0,75% tổng dư nợ cho các tổ chức tín dụng trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2010.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>	31/12/2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>208.224</b>	<b>881.342</b>
Chứng khoán Chính phủ	208.224	203.939
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	677.403
Chứng khoán nợ nước ngoài	-	-
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>59.589</b>	<b>35.014</b>
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	11.054	11.865
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	48.535	23.149
Chứng khoán vốn nước ngoài	-	-
<b>Chứng khoán kinh doanh khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh</b>	<b>(26.700)</b>	<b>(16.947)</b>
	<b>241.113</b>	<b>899.409</b>

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>	31/12/2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Chứng khoán Nợ:</b>	<b>208.224</b>	<b>881.342</b>
Đã niêm yết	208.224	203.939
Chưa niêm yết	-	677.403
<b>Chứng khoán Vốn:</b>	<b>59.589</b>	<b>35.014</b>
Đã niêm yết	39.548	20.585
Chưa niêm yết	20.041	14.429
<b>Chứng khoán kinh doanh khác:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Đã niêm yết	-	-
Chưa niêm yết	-	-

## 7. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị theo hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)</i>	<i>Tổng giá trị ghi sổ kế toán</i>		
		<i>Tài sản</i>	<i>Công nợ</i>	<i>Giá trị ròng</i>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>				
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	980.227	996.503	1.013.630	(17.127)
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	166.660	176.428	197.260	(20.832)
- Giao dịch hoán đổi	813.567	820.075	816.370	3.705



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	18.196.756	12.873.674
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	420.936	445.561
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	66.866	35.171
Nợ cho vay được khoan và nợ chờ xử lý	-	4.000
	<b>18.684.558</b>	<b>13.358.406</b>
	<i>2010</i> <i>lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>2009</i> <i>lãi suất</i> <i>%/năm</i>
Phải thu từ các hợp đồng cho thuê tài chính	N/A	N/A
Cho vay thương mại bằng VNĐ	6,80 – 19,82	9,00 – 12,75
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	4,70 – 8,30	4,50 – 11,00

Cho vay thương mại gồm các khoản cho vay ngắn, trung và dài hạn, bao gồm cả các khoản vay đồng tài trợ mà Ngân hàng làm đầu mối, bằng VNĐ và đô la Mỹ. Số dư nợ trên không bao gồm các khoản cho vay đồng tài trợ hoặc ủy thác đầu tư mà Ngân hàng không chịu rủi ro. Xem Thuyết minh số 37.

### 8.1. Phân tích chất lượng nợ cho vay

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.466.198	11.503.332
Nợ cần chú ý	3.771.088	1.555.027
Nợ dưới tiêu chuẩn	140.410	68.405
Nợ nghi ngờ	118.630	76.579
Nợ có khả năng mất vốn	188.232	155.063
	<b>18.684.558</b>	<b>13.358.406</b>

### 8.2. Phân tích dư nợ theo thời gian

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	12.135.698	8.456.248
Nợ trung hạn	2.430.092	1.659.872
Nợ dài hạn	4.118.768	3.242.286
	<b>18.684.558</b>	<b>13.358.406</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

### 8.3. Phân tích dư nợ theo loại tiền tệ

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Cho vay thương mại bằng VND	15.885.825	11.277.906
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	2.798.733	2.080.500
	<b>18.684.558</b>	<b>13.358.406</b>

### 8.4. Phân tích dư nợ theo khu vực địa lý

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Khu vực Miền Bắc	16.510.642	11.981.986
Khu vực Miền Trung	187.889	84.491
Khu vực Miền Nam	1.986.027	1.291.929
	<b>18.684.558</b>	<b>13.358.406</b>

### 8.5. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2010 triệu đồng	%	31/12/2009 triệu đồng	%
<b>Cho vay các TCKT</b>	<b>14.179.312</b>	<b>75,89%</b>	<b>12.010.649</b>	<b>89,91%</b>
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	-	-	310	0,00%
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	1.325.213	7,09%	1.674.875	12,54%
Công ty TNHH nhà nước	104.905	0,56%	87.037	0,65%
Công ty TNHH tư nhân	4.986.067	26,69%	4.486.349	33,58%
Công ty cổ phần nhà nước	616.577	3,30%	115.287	0,86%
Công ty cổ phần khác	6.283.514	33,63%	5.033.409	37,68%
Công ty hợp danh	-	-	-	0,00%
Doanh nghiệp tư nhân	490.882	2,63%	346.701	2,60%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	39.139	0,21%	151.843	1,14%
Kinh tế tập thể	333.015	1,78%	114.838	0,86%
<b>Cho vay cá nhân</b>	<b>4.505.246</b>	<b>24,11%</b>	<b>1.340.665</b>	<b>10,04%</b>
<b>Cho vay khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7.092</b>	<b>0,05%</b>
	<b>18.684.558</b>	<b>100,00%</b>	<b>13.358.406</b>	<b>100,00%</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

### 8.6. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2010 triệu đồng	%	31/12/2009 triệu đồng	%
Nông nghiệp và lâm nghiệp	152.089	0,81%	996.537	7,46%
Thủy sản	1.980	0,01%	26.717	0,20%
Công nghiệp khai thác mỏ	573.147	3,07%	387.394	2,90%
Công nghiệp chế biến	3.559.653	19,05%	1.564.269	11,71%
SX và PP điện khí đốt và nước	515.761	2,76%	177.667	1,33%
Xây dựng	1.294.021	6,93%	1.110.084	8,31%
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	2.430.398	13,01%	2.881.408	21,57%
Khách sạn và nhà hàng	11.940	0,06%	21.373	0,16%
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	2.790.967	14,94%	2.105.285	15,76%
Hoạt động tài chính	2.802.119	15,00%	740.056	5,54%
Hoạt động khoa học và công nghệ	113.055	0,61%	117.554	0,88%
Các hoạt động liên quan kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	1.328.540	7,11%	1.098.061	8,22%
Quản lý nhà nước và an ninh quốc phòng: Đảng, đoàn thể	-	-	5.343	0,04%
Giáo dục và đào tạo	14.498	0,08%	8.015	0,06%
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	61.602	0,33%	64.120	0,48%
Hoạt động văn hoá thể thao	51.052	0,27%	-	0,00%
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	2.000	0,01%	10.687	0,08%
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	571.710	3,06%	1.625.718	12,17%
Ngành khác	2.410.026	12,90%	418.118	3,13%
	<b>18.684.558</b>	<b>100,00%</b>	<b>13.358.406</b>	<b>100,00%</b>

## 9. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi tiết số dư dự phòng rủi ro tín dụng trên được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Số tiền triệu đồng
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	384.428
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	13.417
	<b>397.845</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	156.136	82.000	238.136
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	338.245	102.561	440.806
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(126.267)	(39.102)	(165.369)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(115.431)	-	(115.431)
Các khoản mục khác	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	252.683	145.459	398.142
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(297)	-	(297)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>252.386</b>	<b>145.459</b>	<b>397.845</b>

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm trước bao gồm các khoản sau:

	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu kỳ	192.115	64.000	256.115
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	41.702	18.000	59.702
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.076)	-	(2.076)
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 trong năm	(566)	-	(566)
Các khoản mục khác	-	-	-
Số dư dự phòng rủi ro tại thời điểm 30 tháng 11	231.175	82.000	313.175
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12	(75.039)	-	(75.039)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>156.136</b>	<b>82.000</b>	<b>238.136</b>

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Điều 6, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo đó, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và các cam kết ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2010.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2010 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay tương ứng cần phải trích lập theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng như sau:

<i>Phân loại</i>	<i>Dư nợ cho vay (*) triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.334.762	-	107.511	107.511
Nợ cần chú ý	2.911.610	113.571	21.837	135.408
Nợ dưới tiêu chuẩn	161.883	19.724	1.214	20.938
Nợ nghi ngờ	197.364	28.428	1.480	29.908
Nợ có khả năng mất vốn	140.905	90.663	-	90.663
	<b>17.746.524</b>	<b>252.386</b>	<b>132.042</b>	<b>384.428</b>



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 9. THAY ĐỔI (TĂNG/GIẢM) CỦA DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

Dự phòng cho số công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2010:

<i>Phân loại</i>	<i>Số dư ngoại bảng (*) triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung (**) triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.788.974	-	13.417	13.417
Nợ cần chú ý	-	-	-	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-	-	-
	<b>1.788.974</b>	<b>-</b>	<b>13.417</b>	<b>13.417</b>

(\*) số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2010

(\*\*) tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2010, Ngân hàng đã trích lập đầy đủ dự phòng rủi ro tín dụng cho toàn bộ dư nợ tín dụng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2010 bao gồm cả dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo đúng yêu cầu của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

<i>Dự phòng rủi ro tín dụng</i>	<i>Dự phòng cụ thể của các khoản cho vay triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung của các khoản cho vay triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể của các cam kết ngoại bảng triệu đồng</i>	<i>Dự phòng chung của các khoản cam kết ngoại bảng triệu đồng</i>	<i>Tổng số dự phòng triệu đồng</i>
Theo Quyết định 493	252.386	132.042	-	13.417	397.845
Số thực tế NH đã hạch toán	252.386	132.042	-	13.417	397.845
Chênh lệch	-	-	-	-	-

Trong danh mục tín dụng của Ngân hàng bao gồm dư nợ cho một số công ty thành viên thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin) và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines). Các khoản vay này được phân loại nợ và trích lập dự phòng theo văn bản chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước về việc xem xét khoan hồng và cơ cấu lại các khoản nợ cũ của Vinashin và các đơn vị thành viên của Vinashin đã chuyển sang PVN và Vinalines.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>	31/12/2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
<b>Chứng khoán Nợ</b>	<b>3.415.370</b>	<b>3.449.911</b>
Chứng khoán Chính phủ	2.753.688	2.700.824
Chứng khoán Nợ do các TCTD trong nước phát hành	233.682	221.087
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	428.000	528.000
<b>Chứng khoán Vốn</b>	<b>32.000</b>	<b>32.000</b>
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	-	-
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	32.000	32.000
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán</b>	<b>(23.929)</b>	<b>(14.519)</b>
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>4.004.518</b>	<b>1.800.774</b>
Chứng khoán Chính phủ	795.121	11.000
Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.769.152	817.774
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	1.440.245	972.000
<b>Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>7.427.959</b>	<b>5.268.166</b>

### 10.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản chứng khoán nợ sẵn sàng để bán của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	<i>Mệnh giá triệu đồng</i>	<i>Giá trị ghi sổ triệu đồng</i>	<i>Mệnh giá triệu đồng</i>	<i>Giá trị ghi sổ triệu đồng</i>
<b>Chứng khoán Chính phủ</b>	<b>2.737.239</b>	<b>2.753.688</b>	<b>2.749.990</b>	<b>2.700.824</b>
Tín phiếu và Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ	2.517.239	2.539.003	2.205.200	2.163.203
Trái phiếu Chính phủ bằng đô la Mỹ	-	-	184.790	184.790
Công trái Giáo dục	-	-	50.000	50.000
Trái phiếu đô thị do UBND TP HCM phát hành	5.000	5.000	50.000	50.000
Trái phiếu kho bạc nhà nước	55.000	53.071	-	-
Trái phiếu của NH phát triển Việt Nam	160.000	156.614	260.000	252.831
<b>Chứng khoán do TCTD trong nước phát hành</b>	<b>234.600</b>	<b>233.682</b>	<b>234.600</b>	<b>221.087</b>
Trái phiếu của NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	234.600	233.682	234.600	221.087
<b>Chứng khoán do các tổ chức KT phát hành</b>	<b>460.000</b>	<b>436.071</b>	<b>560.000</b>	<b>545.481</b>
Trái phiếu của Tổng Công ty Điện lực VN	50.000	50.000	50.000	50.000
Trái phiếu Tổng Công ty Lilama	150.000	150.000	150.000	150.000
Trái phiếu Tập đoàn CNTT Vinashin	-	-	100.000	100.000
Trái phiếu Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	140.000	140.000	140.000	140.000
Trái phiếu Công ty ĐTPT Đường Cao Tốc VN	88.000	88.000	88.000	88.000
Trái phiếu Cavico Corp	32.000	8.071	32.000	17.481
	<b>3.431.839</b>	<b>3.423.441</b>	<b>3.544.590</b>	<b>3.467.392</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

### 10.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

- Trái phiếu Chính phủ bằng VNĐ có thời hạn từ 2 năm đến 10 năm và có lãi suất từ 7,20% đến 12,10%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Đô thị do UBND TP. Hồ Chí Minh phát hành có thời hạn từ 5 đến 10 năm; lãi suất từ 8,35% đến 9,25%/năm và lãi được trả 6 tháng một lần hoặc trả hàng năm.
- Trái phiếu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất là 8,10% đến 8,40%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm và có lãi suất là 8,15% đến 9,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam phát hành có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất là 9,60%/năm trong năm đầu tiên và lãi suất thả nổi (dựa trên lãi suất tiền gửi bình quân của bốn ngân hàng thương mại Nhà nước cộng 1,20%) trong những năm tiếp theo, lãi trả hàng năm.
- Trái phiếu Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (Lilama) phát hành có thời hạn từ 5 đến 10 năm, lãi suất từ 9,20% đến 9,60%/năm và lãi được trả 6 tháng một lần hoặc trả hàng năm.
- Trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp Tàu thủy Vinashin phát hành có thời hạn 5 năm, lãi suất 10%/năm và được trả hàng năm.
- Trái phiếu Cty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín phát hành có thời hạn 5 năm, lãi suất từ 8,35% đến 10,00%/năm và lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Cty ĐTPT Đường Cao Tốc Việt Nam phát hành có thời hạn 15 năm, lãi suất 9,00%/năm và lãi được trả hàng năm.

### 10.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2010		31/12/2009	
	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	Mệnh giá triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng
<b>Chứng khoán Chính Phủ</b>	<b>750.000</b>	<b>795.121</b>	<b>11.000</b>	<b>11.000</b>
Trái phiếu Chính phủ	-	-	11.000	11.000
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam	750.000	795.121	-	-
<b>Chứng khoán do TCTD trong nước phát hành</b>	<b>1.771.300</b>	<b>1.769.152</b>	<b>821.300</b>	<b>817.774</b>
Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	71.300	69.152	71.300	67.774
Trái phiếu NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	50.000	50.000	50.000	50.000
Trái phiếu NHTMCP Hàng Hải	700.000	700.000	700.000	700.000
Trái phiếu NHTMCP Công thương Việt Nam	300.000	300.000	-	-
Trái phiếu Ngân hàng Indovina	50.000	50.000	-	-
Trái Phiếu NHTMCP Dầu khí toàn cầu	600.000	600.000	-	-
<b>Chứng khoán do các tổ chức KT phát hành</b>	<b>1.422.000</b>	<b>1.440.245</b>	<b>972.000</b>	<b>972.000</b>
Trái phiếu Tập đoàn CNTT Vinashin	600.000	610.301	500.000	500.000
Trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp than khoáng sản Việt Nam	300.000	307.944	300.000	300.000
Trái phiếu Công ty TNHH Hùng Vương Huệ	32.000	32.000	32.000	32.000
Trái phiếu Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà	140.000	140.000	140.000	140.000
Trái phiếu Tập đoàn Hòa Phát	200.000	200.000	-	-
Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển sản xuất Hạ Long	150.000	150.000	-	-
	<b>3.943.300</b>	<b>4.004.518</b>	<b>1.804.300</b>	<b>1.800.774</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

### 10.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

- Trái phiếu Ngân hàng Phát Triển Việt Nam là các trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm và có lãi suất từ 8,10% đến 12,00%/năm, lãi được trả hàng năm
- Trái phiếu Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam là các trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 8,15%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương là các trái phiếu có kỳ hạn 2 năm và có lãi suất từ 11,90% đến 12,50%/năm, lãi trả hàng năm.
- Trái phiếu Trái phiếu Ngân hàng TMCP Hàng Hải là trái phiếu có kỳ hạn 3 năm và có lãi suất từ 10,80% đến 13,80%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín là trái phiếu có kỳ hạn 3 năm và có lãi suất 10,40%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Tập đoàn CNTT Vinashin phát hành năm 2009 là các trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất từ 10,00% đến 11,70%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Tập đoàn Công Nghiệp than khoáng sản Việt Nam là trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 10,50%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty TNHH Hùng Vương Huệ là trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và có lãi suất 14,60%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty CP đầu tư kinh doanh và phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Hà là trái phiếu 3 năm và có lãi suất là 15,20%/năm, lãi trả hàng năm. Ngân hàng dự định giữ các trái phiếu này cho đến ngày đáo hạn.
- Trái phiếu Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát là trái phiếu 3 năm có lãi suất là 14,50%/năm, lãi được trả hàng năm.
- Trái phiếu Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển sản xuất Hạ Long là trái phiếu 2 năm có lãi suất là 15,00%, lãi được trả hàng năm.

## 11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	<i>Các khoản đầu tư dài hạn khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	202.503	202.503
Vốn góp tăng trong năm	102.804	102.804
Vốn góp giảm trong năm	(23.348)	(23.348)
Dự phòng giảm giá	(27.675)	(27.675)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>254.284</b>	<b>254.284</b>





# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	31/12/2010			31/12/2009		
	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc triệu đồng	Giá trị ghi sổ triệu đồng	% sở hữu của Ngân hàng
<b>Đầu tư vào các tổ chức tín dụng và các tổ chức tín dụng tương tự</b>						
Công ty BH và Tái BH Viễn Đông	11.571	11.571	3,86%	11.571	11.571	3,86%
Quỹ Thành viên Vietcombank 1 (VPF1)	7.500	5.588	5,00%	7.500	7.500	5,00%
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Việt Long	30.000	15.763	10,00%	30.000	19.278	10,00%
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	50.000	50.000	10,00%	50.000	50.000	10,00%
<b>Đầu tư vào các tổ chức kinh tế</b>						
Công ty CP Đồng Xuân	5.000	5.000	10,00%	5.000	5.000	10,00%
Công ty CP TM – DV Đông Anh	10.000	10.000	10,00%	-	-	-
Công ty CP Đào tạo và Tư vấn nghiệp vụ ngân hàng	767	767	10,65%	767	767	10,65%
Công ty CP Khách sạn và Du lịch Bảo Việt	6.000	6.000	10,00%	2.100	2.100	10,00%
Công ty CP Tòa nhà Cavico	4.620	4.620	9,00%	4.620	4.620	10,00%
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng	-	-	-	2.526	2.526	5,05%
Công ty CP Xây dựng Năng lượng	2.740	2.740	8,43%	2.740	2.740	8,43%
Công ty CP Bao bì và Kim loại thanh Sài Gòn	11.156	-	6,66%	11.156	-	6,66%
Công ty CP Đầu tư Bắc Thăng Long – Hà Nội	1.500	1.500	1,00%	1.500	1.500	10,00%
Tổng Công ty XNK và XD Việt Nam (Vinaconex)	-	-	-	20.823	20.823	0,54%
Công ty CP ĐT-PT CN Tàu thủy – Habubank	16.500	16.500	1,00%	16.500	16.500	11,00%
Công ty CP Dịch vụ thẻ Smartlink	2.100	1.730	5,00%	2.100	2.100	4,20%
Công ty CP Đầu tư và Du lịch Bình Tiên	8.000	8.000	10,00%	-	-	-
Công ty CP Bất động sản Lilama	19.500	19.500	10,00%	19.500	19.500	1,95%
Trường Đại học Đông Á	5.000	5.000	10,00%	5.000	5.000	10,00%
Công ty Cổ phần thủy sản Bình An	80.000	80.000	10,00%	-	-	-
Công ty dược và TTBYT Quân Đội	905	905	1,00%	-	-	-
Công ty CP XNK và Chế biến Cầu Tre	9.100	9.100	8,00%	9.100	9.100	5,13%
	<b>281.959</b>	<b>254.284</b>		<b>202.503</b>	<b>180.625</b>	

Trong năm, Ngân hàng đã xem xét trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn vào những doanh nghiệp đang bị lỗ lũy kế theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Ngân hàng đã hạch toán đầy đủ dự phòng giảm giá các khoản góp vốn đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

### 12.1. Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng	TSCĐ khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	104.364	102.225	21.407	31.875	7.623	267.494
Mua trong kỳ	-	10.481	9.261	5.023	3.367	28.132
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	1.145	-	3.049	161	4.355
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	171	-	-	171
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(5.780)	(302)	-	(53)	(22)	(6.157)
Giảm khác	(6.925)	(102)	-	(1.180)	(175)	(8.382)
Số dư cuối kỳ	91.659	113.447	30.839	38.714	10.954	285.613
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	(12.568)	(42.343)	(10.445)	(19.254)	(2.623)	(87.233)
Khấu hao trong kỳ	(3.689)	(15.136)	(3.616)	(6.232)	(1.684)	(30.357)
Phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	3.666	399	-	1.225	199	5.489
Giảm khác	(538)	-	-	-	-	(538)
Số dư cuối kỳ	(13.129)	(57.080)	(14.061)	(24.261)	(4.108)	(112.639)
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ</b>						
Tại ngày đầu kỳ	91.796	59.882	10.962	12.621	5.000	180.261
Tại ngày cuối kỳ	78.530	56.367	16.778	14.453	6.846	172.974

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

### 12.1 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng</i>	<i>Máy móc thiết bị triệu đồng</i>	<i>Phương tiện vận tải triệu đồng</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng</i>	<i>TSCĐ khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá:</b>						
Số dư đầu kỳ	100.392	35.051	18.555	56.335	1.095	211.428
Mua trong kỳ	5.465	41.134	3.198	3.688	2.382	55.867
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Phân loại lại	(1.493)	25.307	-	(27.960)	4.146	-
Tăng khác	-	733	538	14	-	1.285
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(884)	(187)	-	(1.071)
Giảm khác	-	-	-	(15)	-	(15)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>104.364</b>	<b>102.225</b>	<b>21.407</b>	<b>31.875</b>	<b>7.623</b>	<b>267.494</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>						
Số dư đầu kỳ	(9.137)	(12.901)	(8.355)	(29.312)	(236)	(59.941)
Khấu hao trong kỳ	(3.799)	(14.574)	(2.974)	(6.179)	(847)	(28.373)
Phân loại lại	368	(14.868)	-	16.040	(1.540)	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	884	187	-	1.071
Giảm khác	-	-	-	10	-	10
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(12.568)</b>	<b>(42.343)</b>	<b>(10.445)</b>	<b>(19.254)</b>	<b>(2.623)</b>	<b>(87.233)</b>
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ:</b>						
Tại ngày đầu kỳ	91.255	22.150	10.200	27.023	859	151.487
Tại ngày cuối kỳ	91.796	59.882	10.962	12.621	5.000	180.261

#### Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình

	<i>31/12/2010 triệu đồng</i>	<i>31/12/2009 triệu đồng</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tạm thời không được sử dụng vào sản xuất kinh doanh	3.861	4.507
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.068	39.127



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

### 12.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu kỳ	45.460	439	45.899
Mua trong kỳ	23.285	16.369	39.654
Tăng khác	972	-	972
Thanh lý, nhượng bán	-	-	0
Giảm khác	(346)	-	(346)
Số dư cuối kì	69.371	16.808	86.179
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	(17.959)	(306)	(18.265)
Khấu hao trong kỳ	(5.080)	(3.145)	(8.225)
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	345	-	345
Số dư cuối kỳ	(22.694)	(3.451)	(26.145)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	27.501	133	27.634
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	46.677	13.357	60.034

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>			
Số dư đầu kỳ	43.354	439	43.793
Mua trong kỳ	1.282	-	1.282
Tăng khác	824	-	824
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kì	45.460	439	45.899
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	(11.346)	(154)	(11.500)
Khấu hao trong kỳ	(6.613)	(152)	(6.765)
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	(17.959)	(306)	(18.265)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	32.008	285	32.293
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	27.501	133	27.634

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Các khoản lãi, phí phải thu	686.546	315.790
Các khoản phải thu	249.415	168.137
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác	-	-
Tài sản có khác	2.519.646	22.075
	<b>3.455.607</b>	<b>506.002</b>

### 13.1. Các khoản phải thu

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
<b>Các khoản lãi, phí phải thu bao gồm:</b>		
Lãi phải thu từ tiền gửi (*)	109.794	37.339
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	367.974	208.151
Lãi phải thu từ cho vay	195.227	64.170
Lãi phải thu từ hợp đồng hoán đổi	10.681	4.908
Lãi phải thu từ hợp đồng kỳ hạn	2.870	1.222
	<b>686.546</b>	<b>315.790</b>

### 13.2. Các khoản phải thu

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
<b>Các khoản phải thu nội bộ</b>		
Phải thu cán bộ, công nhân viên	1.321	1.106
<b>Các khoản phải thu bên ngoài</b>		
Mua sắm tài sản cố định	9.482	12.578
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	27.578	23.248
Phải thu quỹ hỗ trợ thanh toán	2.989	1.936
Phải thu về hỗ trợ lãi suất	30.738	40.518
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.105	1.323
Ký quỹ, thế chấp, cầm cố	2.994	5
Phải thu thanh toán hợp đồng kỳ hạn	92.916	-
Các khoản phải thu khác (*)	72.292	87.423
	<b>249.415</b>	<b>168.137</b>

(\*): Các khoản phải thu khác bao gồm khoản phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán tại Công ty chứng khoán Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, với giá trị là 63.133 triệu đồng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 13. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

### 13.3. Tài sản có khác

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	1.147.225	-
Ủy thác đầu tư	1.214.294	-
- Ủy thác đầu tư kinh doanh bất động sản	241.119	-
- Ủy thác đầu tư không chỉ định mục đích (**)	973.175	-
Chi phí chờ phân bổ	154.366	21.923
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ (xem thuyết minh 20)	3.580	-
Tài sản có khác	181	152
	<b>2.519.646</b>	<b>22.075</b>

(\*) Đặt cọc hợp đồng môi giới chứng khoán: Đây là các khoản đặt cọc để thực hiện các hợp đồng Ngân hàng ký kết với các công ty chứng khoán hoặc các công ty đầu tư, theo đó, các Công ty này cam kết mua chứng khoán cho Ngân hàng. Trong thời gian chưa thực hiện mua chứng khoán, Ngân hàng được hưởng lãi suất đối với số tiền đặt cọc đó.

(\*\*) Ủy thác đầu tư cho các tổ chức, cá nhân khác không chỉ định mục đích: Ngân hàng ủy thác cho các tổ chức, cá nhân đầu tư không chỉ định mục đích, trong thời gian ủy thác đầu tư, hầu hết Ngân hàng được hưởng lợi tức đầu tư cố định theo thỏa thuận.

## 14. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
<b>Vay NHNN</b>		
Vay chiết khấu, tái chiết khấu các giấy tờ có giá	1.412.714	2.441.814
Vay thấu chi	598.834	-
	<b>2.011.548</b>	<b>2.441.814</b>

## 15. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Tiền, vàng gửi các TCTD khác	10.313.744	7.573.385
Vay các TCTD khác	136.465	-
	<b>10.450.209</b>	<b>7.573.385</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 15. TIỀN VÀNG GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

### 15.1 Tiền, vàng gửi các TCTD khác

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
a. Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	635.835	597.354
Bằng VNĐ	635.835	597.350
Bằng vàng và ngoại tệ	-	4
b. Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	9.677.909	6.976.031
Bằng VNĐ	8.775.291	5.333.740
Bằng vàng và ngoại tệ	902.618	1.642.291
	<b>10.313.744</b>	<b>7.573.385</b>

### 15.2 Vay các TCTD khác

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Bằng VNĐ	-	-
Bằng vàng và ngoại tệ	136.465	-
	<b>136.465</b>	<b>-</b>

## 16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

### 16.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	1.362.969	1.551.374
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	1.205.843	1.470.271
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	18.433	27.908
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	122.840	45.280
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	15.853	7.915
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	14.690.163	11.960.807
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	3.237.563	2.635.905
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	7.717.859	6.888.644
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	697.376	178.059
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	3.037.365	2.258.199
Tiền gửi vốn chuyên dùng	528	2
Tiền ký quỹ	132.388	136.284
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	61.493	60.435
Tiền gửi ký quỹ bằng vàng, ngoại tệ	70.895	75.849
Chuyển tiền phải trả	-	-
Chuyển tiền phải trả bằng VNĐ	-	-
Chuyển tiền phải trả bằng vàng, ngoại tệ	-	-
Các khoản phải trả khách hàng khác	-	-
	<b>16.186.048</b>	<b>13.648.467</b>



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 16. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

### 16.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi (tiếp theo)

	2010 lãi suất %/năm	2009 lãi suất %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40	2,00 - 3,00
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40	2,40 - 3,60
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,20 - 0,50	0,25 - 1,00
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,2 - 0,5	0,20 - 1,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	5,5 - 14,0	5,00 - 10,20
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	0,2 - 8,0	0,20 - 7,00
Chứng chỉ tiền gửi	N/A	N/A

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.

### 16.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
<b>Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước</b>		-
<b>Tiền gửi của TCKT</b>	<b>5.217.127</b>	<b>3.787.727</b>
Doanh nghiệp quốc doanh	57.818	1.543.683
DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác	5.130.062	2.000.913
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	29.247	243.131
<b>Tiền gửi của cá nhân</b>	<b>10.967.833</b>	<b>9.856.004</b>
<b>Tiền gửi của các đối tượng khác</b>	<b>1.088</b>	<b>4.736</b>
	<b>16.186.048</b>	<b>13.648.467</b>

## 17. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ	868.092	195.952
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	3.482	40.258
	<b>871.574</b>	<b>236.210</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 17. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO (tiếp theo)

### 17.1. Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ

Chi tiết các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VNĐ tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư	31/12/2010			31/12/2009		
	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm
Vay ngắn hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn III	-	-	-	dưới 1 năm	12.357	9,12
Vay trung và dài hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn II	từ 2 năm trở lên	55.654	11,64	trên 2 năm	5.363	9,12
Vay trung và dài hạn bằng VNĐ từ Dự án Tài chính Nông thôn III	trên 2 năm	2.339	11,64	trên 2 năm	38.232	9,12
Vốn ủy thác từ Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	từ 6 tháng đến 3 năm	478.032	13,00	-	-	-
Vốn ủy thác từ Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam	dưới 1 năm	82.067	16,10-17,60	-	-	-
Vốn nhận ủy thác, cho vay từ TCTD khác	dưới 6 tháng	250.000	12,50-14,00	dưới 1 năm	140.000	10,00
		<b>868.092</b>			<b>195.952</b>	

Vay từ Dự án Tài chính Nông thôn II và III là các khoản vay từ Tổ chức Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính nhằm cho vay lại đối với các TCTD tham gia để cung cấp các khoản vay tới các hộ gia đình với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất của các khoản vay này là 11,64%/năm (năm 2009 là từ 9,12%/năm). Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn.

Vốn nhận ủy thác cho vay từ TCTD khác là khoản vốn nhận từ các TCTD nhằm cho vay một số đối tượng khách hàng theo hợp đồng ủy thác cho vay, tuy nhiên Ngân hàng phải chịu rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay khách hàng.

### 17.2. Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ

Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư	31/12/2010			31/12/2009		
	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm	kỳ hạn	triệu đồng	lãi suất %/năm
Vay trung và dài hạn bằng ngoại tệ từ Dự án Tài chính Nông thôn II	trên 20 năm	3.482	0,75	trên 2 năm	3.300	9,00
Vốn ủy thác từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Previa VN	-	-	-	6 tháng - 1 năm	36.958	2,90
		<b>3.482</b>			<b>40.258</b>	

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ THÔNG THƯỜNG

	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>	31/12/2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>		
Dưới 12 tháng	302.783	191.388
<b>Kỳ phiếu</b>		
Dưới 12 tháng	-	377.112
<b>Trái phiếu thông thường</b>		
24 tháng	2.400.000	1.000.000
<b>Trái phiếu chuyển đổi</b>		
12 tháng	1.050.000	-
	<b>3.752.783</b>	<b>1.568.500</b>

Trái phiếu kỳ hạn 24 tháng được phát hành bằng đồng Việt Nam và có lãi suất 10,50% đến 11,35%/năm, lãi suất được thay đổi một năm một lần. Trong năm 2010, Ngân hàng phát hành một (01) đợt trái phiếu, với tổng giá trị là 1.400 triệu đồng, thời hạn từ ngày 16 tháng 9 năm 2010 đến 16 tháng 9 năm 2012, lãi suất thay đổi một năm một lần, theo đó, năm thứ nhất sẽ tiến hành trả lãi trước với lãi suất là 11,35%/năm và năm thứ hai sẽ tiến hành trả lãi sau với mức lãi suất xác định bằng bình quân tiền gửi của bốn ngân hàng thương mại nhà nước cộng biên độ 1,80%.

Trong năm 2010, Ngân hàng đã phát hành một (01) đợt trái phiếu chuyển đổi bằng đồng Việt Nam, có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 10,49%/năm và có tỷ lệ chuyển đổi là 1:10 (một trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu).

## 19. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2010 <i>triệu đồng</i>	31/12/2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Các khoản phải trả nội bộ</b>		
- Các khoản phải trả công nhân viên	-	6
- Quỹ trợ cấp mất việc làm	1.905	2.281
- Doanh thu chờ phân bổ	82.302	5.864
- Phải trả về Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo (*)	783	-
- Phải trả về Quỹ khen thưởng (*)	4.065	-
- Phải trả về Quỹ phúc lợi (*)	4.301	-
<b>Các khoản phải trả bên ngoài</b>		
- Các khoản phải trả nhà đầu tư chứng khoán	-	736
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	109.476	79.014
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.511
- Các khoản chờ thanh toán (**)	648.032	27.107
- Phải trả về hỗ trợ lãi suất	11.763	10.055
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.655	5.630
- Các khoản phải trả khác	21.459	103.562
	<b>886.741</b>	<b>237.766</b>

(\*): Theo thông tư 244/2009/TT-BTC, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo được chuyển sang hạch toán ở nhóm tài khoản phải trả thay vì theo dõi trên nhóm tài khoản vốn chủ sở hữu. Thông tư này không yêu cầu áp dụng hồi tố, do đó, số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày vẫn được trình bày tại khoản mục vốn chủ sở hữu.

(\*\*): Các khoản chờ thanh toán bao gồm giá trị của các hợp đồng mua trái phiếu với số tiền là 596.914 triệu đồng. Các hợp đồng này đã được thanh toán vào ngày 4 tháng 1 năm 2011. Và khoản phải trả các hoạt động giao dịch chứng khoán của công ty Chứng khoán Habubank HBBS, có giá trị 51.117 triệu đồng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

triệu đồng

	Phát sinh trong kỳ			Số dư cuối kỳ
	Số dư đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	3.511	55.413	(62.504)	(3.580)
Thuế TNDN	79.014	125.476	(95.014)	109.476
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	9	351	(236)	124
	<b>82.534</b>	<b>181.240</b>	<b>(157.754)</b>	<b>106.020</b>

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Công ty con của Ngân hàng là Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (HBBS) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trên tổng lợi nhuận chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do công ty vẫn đang trong giai đoạn được ưu đãi thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 20.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

triệu đồng

	<u>Số dư đầu kỳ</u>	<u>Phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số dư cuối kỳ</u>
		<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	
Thuế GTGT	3.511	55.413	(62.504)	(3.580)
Thuế TNDN	79.014	125.476	(95.014)	109.476
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	9	351	(236)	124
	<b>82.534</b>	<b>181.240</b>	<b>(157.754)</b>	<b>106.020</b>

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Công ty con của Ngân hàng là Công ty Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội (HBBS) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trên tổng lợi nhuận chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 do công ty vẫn đang trong giai đoạn được ưu đãi thuế TNDN.

Các báo cáo thuế của ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 20.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 20. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

### 20.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>601.797</b>	<b>504.850</b>
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập của Ngân hàng	475.159	361.870
Thu nhập của công ty con	126.638	142.980
<i>Trừ</i>		
Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(4.971)	(8.360)
Thu nhập từ CK lần đầu do kho bạc NN phát hành	(18.741)	(4.101)
Thu nhập của công ty con hạch toán độc lập	(126.638)	(142.980)
Phần chia trong lợi nhuận của các liên doanh sử dụng phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu	-	-
<i>Cộng:</i>		
Dự phòng trích (thừa)/thiếu của năm trước	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế TNDN của Ngân hàng</b>	<b>451.447</b>	<b>349.409</b>
Chi phí thuế TNDN của Ngân hàng theo thuế suất 25% (năm 2009: 25%)	112.862	87.352
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh theo do Ngân hàng điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
Chi phí thuế TNDN của công ty con theo thuế suất 10%	12.614	9.951
<b>Thuế TNDN trong năm tài chính</b>	<b>125.476</b>	<b>97.303</b>
<b>Thuế TNDN phải trả đầu năm</b>	<b>79.014</b>	<b>82.726</b>
Điều chỉnh của Cơ quan Thuế	-	-
<b>Thuế TNDN đã trả trong năm</b>	<b>(95.014)</b>	<b>(101.015)</b>
Thuế TNDN trả cho năm trước	(79.014)	(82.957)
Thuế TNDN trả cho năm hiện hành	(16.000)	(18.058)
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp do điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
<b>Thuế TNDN phải trả cuối năm</b>	<b>109.476</b>	<b>79.014</b>

### 20.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong năm do không có khoản nào được ghi nhận trong năm tăng thu nhập vốn chủ sở hữu đến ngày kết thúc niên độ trên các báo cáo tài chính.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

### 21.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm 2010 được thể hiện trong bảng dưới đây:

	Vốn điều lệ triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần triệu đồng	Chênh lệch đánh giá lại tài sản triệu đồng	Quỹ khen thưởng và phúc lợi triệu đồng(*)	Quỹ dự phòng tài chính triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ triệu đồng	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu triệu đồng (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>3.000.000</b>	<b>1.455</b>	<b>1.931</b>	<b>6.115</b>	<b>85.874</b>	<b>12.464</b>	<b>13.900</b>	<b>130.160</b>	<b>3.251.899</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	-	-	<b>6.000</b>	<b>26.079</b>	<b>19.427</b>	<b>5.701</b>	<b>419.114</b>	<b>476.321</b>
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	476.321	476.321
Trích bổ sung các quỹ cho kỳ trước	-	-	-	-	26.079	13.726	-	(39.805)	-
Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho kỳ này của công ty con	-	-	-	-	-	5.701	5.701	(11.402)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	6.000	-	-	-	(6.000)	-
Các khoản tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>(1.931)</b>	<b>(12.115)</b>	-	-	<b>(589)</b>	<b>(180.133)</b>	<b>(194.768)</b>
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	(180.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	(180.000)	-
Các khoản giảm khác	-	-	(1.931)	(12.115)	-	-	(589)	(133)	(14.768)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.000.000</b>	<b>1.455</b>	-	-	<b>111.953</b>	<b>31.891</b>	<b>19.012</b>	<b>369.141</b>	<b>3.533.452</b>

(\*): Các khoản giảm trong kỳ của hai khoản mục này là giảm do chuyển Quỹ Khen thưởng Phúc lợi và Quỹ nghiên cứu khoa học đào tạo sang theo dõi ở nhóm tài khoản phải trả khác.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

### 21.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết phần vốn đầu tư của TCTD như sau:

	31/12/2010			31/12/2009		
	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng	Vốn CP ưu đãi triệu đồng	Tổng số triệu đồng	Vốn CP thường triệu đồng	Vốn CP ưu đãi triệu đồng
Vốn góp (cổ đồng, thành viên...)	3.000.000	3.000.000	-	3.000.000	3.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	1.455	1.455	-	1.455	1.455	-
Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
	<b>3.001.455</b>	<b>3.001.455</b>	<b>-</b>	<b>3.001.455</b>	<b>3.001.455</b>	<b>-</b>

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2010	2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	300.000.000	300.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	300.000.000	300.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. VỐN VÀ QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG (tiếp theo)

### 21.2. Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 146, các ngân hàng thương mại phải trích lập quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	Không quy định	Không quy định

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại).

Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ đầu tư phát triển	Không quy định	Không quy định
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Không quy định	Không quy định

Trong năm 2010, Ngân hàng đã trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bằng 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2009, Quỹ dự phòng tài chính bằng 10% lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi đã trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Ngoài ra, Ngân hàng tạm trích 6.000 triệu đồng vào Quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm. Ngân hàng chưa trích lập quỹ dự trữ bắt buộc cho năm 2010 và chỉ thực hiện sau khi có nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP.

### 21.3. Các quỹ dự trữ của các công ty con

Theo thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, các công ty chứng khoán phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Việc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm được thực hiện trong năm tiếp theo, sau khi có sự thông qua của công ty mẹ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã trích đủ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự trữ bắt buộc cho năm 2009.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Cổ phiếu phổ thông phát hành thu tiền được tính vào số bình quân gia quyền của cổ phiếu khi ghi nhận được tiền. Phát hành cổ phiếu thường từ nguồn lợi nhuận để lại và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ làm tăng số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành mà không có sự gia tăng nguồn vốn. Vì vậy, số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trước sự kiện này được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng với số lượng thay đổi của cổ phiếu phổ thông được lưu hành với giả thiết sự kiện này đã xảy ra ngay tại thời điểm đầu kỳ báo cáo.

Chi tiết lãi cơ bản trên cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng	476.321	407.547
Trừ: trích lập các quỹ khác (không bao gồm quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính)	-	(4.000)
Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu	476.321	403.547
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	300	287
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	<u>1.588</u>	<u>1.406</u>

## 23. CỔ TỨC

Trong năm 2010, Ngân hàng đã thông báo và trả cổ tức năm 2010 đợt một vào tháng 8 năm 2010 với tỷ lệ cổ tức là 6%, tương đương 180.000 triệu đồng. Số cổ tức thực trả bằng tiền trong năm là 177.345 triệu đồng.

## 24. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
Thu nhập lãi tiền gửi	350.033	502.352
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	2.038.195	1.360.480
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ:	665.180	540.644
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	-	17.080
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	665.180	523.564
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	-	-
Thu khác từ hoạt động tín dụng	5.914	4.540
	<u>3.059.322</u>	<u>2.408.016</u>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 25. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
Trả lãi tiền gửi	1.800.447	1.513.054
Trả lãi tiền vay	291.744	184.985
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	217.623	51.028
Trả lãi tiền thuê tài chính	-	-
Chi phí hoạt động tín dụng khác	884	355
	<b>2.310.698</b>	<b>1.749.422</b>

## 26. LÃI/LỖ THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>142.198</b>	<b>122.406</b>
Dịch vụ thanh toán	28.552	28.069
Nghiệp vụ bảo lãnh	30.255	20.197
Dịch vụ tư vấn	63.425	33.227
Dịch vụ môi giới chứng khoán cho người đầu tư	17.081	20.328
Dịch vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	19	16.545
Thu phí dịch vụ khác	2.866	4.040
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>	<b>(32.064)</b>	<b>(13.105)</b>
Dịch vụ thanh toán	(7.584)	(4.108)
Hoạt động ngân quỹ	(20)	(340)
Dịch vụ tư vấn	(16.793)	(3.467)
Chi phí hoa hồng, môi giới	(2.714)	(3.750)
Chi phí dịch vụ khác	(4.953)	(1.440)
<b>Lãi/ (Lỗ) thuận từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>110.134</b>	<b>109.301</b>

## 27. LÃI/LỖ THUẬN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2010 <i>triệu đồng</i>	2009 <i>triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>11.590.042</b>	<b>4.850.121</b>
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	11.588.754	4.843.924
Thu từ kinh doanh vàng	-	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.288	6.197
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>(11.604.309)</b>	<b>(4.817.929)</b>
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(11.539.227)	(4.811.170)
Chi về kinh doanh vàng	-	-
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(65.082)	(6.759)
<b>Lãi/ (Lỗ) thuận từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>(14.267)</b>	<b>32.192</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 28. LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2009</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	104.290	13.121
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(3.558)	(31.111)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(9.753)	33.149
<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (mua bán) chứng khoán kinh doanh</b>	<b>90.979</b>	<b>15.159</b>

## 29. LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2009</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	119.752	73.910
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(2.442)	(8.092)
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	(9.410)	(14.519)
<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư</b>	<b>107.900</b>	<b>51.299</b>

## 30. LÃI/LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>2009</i> <i>triệu đồng</i>
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>244.263</b>	<b>29.515</b>
Thu hồi các khoản nợ xấu đã được xử lý	83.280	200
Thu nhập từ thanh lý tài sản (*)	156.372	-
Thu nhập khác	4.611	29.315
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh khác</b>	<b>(28.770)</b>	<b>(2.878)</b>
Chi phí khác	(28.770)	(2.878)
<b>Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>215.493</b>	<b>26.637</b>

(\*) Trong năm 2010, Ngân hàng đã thanh lý quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại 11A, đường Thẻ Giao, Hà Nội và số 22, đường Phùng Khắc Khoan, Hà Nội với thu nhập lên tới 156.372 tỷ đồng.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 31. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN MUA CỔ PHẦN

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Cổ tức nhận được trong kỳ từ góp vốn, mua cổ phần:	5.465	8.078
- từ chứng khoán Vốn kinh doanh (hạch toán trên TK 14)	1.288	830
- từ chứng khoán Vốn đầu tư (hạch toán trên TK 15)	-	2.985
- từ góp vốn, đầu tư dài hạn (hạch toán trên TK 34)	4.177	4.263
Các khoản thu nhập khác	-	1.112
	<b>5.465</b>	<b>9.190</b>

## 32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2010 triệu đồng	2009 triệu đồng
Chi phí thuế và các khoản phí, lệ phí	15.833	15.243
Chi phí cho nhân viên		
- Chi lương và phụ cấp	150.018	129.143
- Các khoản chi đóng góp theo lương	6.134	4.667
- Chi trợ cấp	564	248
- Chi công tác xã hội	190	115
Chi về tài sản	63.501	48.955
- Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	38.582	35.138
Chi thuê tài sản	46.757	40.090
Chi cho hoạt động quản lý công vụ		
- Công tác phí	7.854	5.842
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	6.485	9.035
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	11.511	11.083
Chi dự phòng	5.797	21.878
Chi phí hoạt động khác	72.300	53.597
	<b>386.944</b>	<b>339.896</b>

## 33. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	348.634	177.159
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	837.777	29.015
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác có kỳ hạn dưới 90 ngày	4.548.981	5.508.971
	<b>5.735.392</b>	<b>5.715.145</b>

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 34. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>Thực tế phát sinh năm 2010</i>	<i>Thực tế phát sinh năm 2009</i>
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên (người)	1.464	1.100
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	129.237	91.875
2. Tiền thưởng	31.037	29.985
3. Thu nhập khác	18.052	7.283
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	<u>178.326</u>	<u>129.143</u>
5. Tiền lương bình quân/tháng	<u>7,36</u>	<u>6,96</u>
6. Thu nhập bình quân/tháng	<u>10,15</u>	<u>9,78</u>

## 35. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Giá trị sổ sách tại thời điểm cầm cố, thế chấp (triệu đồng)</i>		<i>Giá trị sổ sách tại thời điểm lập báo cáo (triệu đồng)</i>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
Bất động sản	7.760.174	4.849.877	7.760.174	4.849.877
Động sản	1.818.869	1.094.216	1.818.869	1.094.216
Chứng từ có giá	1.816.882	1.923.682	1.816.882	1.923.682
Tài sản khác	7.824.808	4.353.568	7.824.808	4.353.568
	<u>19.220.733</u>	<u>12.221.343</u>	<u>19.220.733</u>	<u>12.221.343</u>

## 36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 36. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Bảo lãnh tài chính	1.037.771	1.081.184
Thư tín dụng trả ngay	500.622	525.534
Thư tín dụng trả chậm	250.947	170.871
Cam kết bảo lãnh khác	-	-
	<b>1.789.340</b>	<b>1.777.589</b>

## 37. HOẠT ĐỘNG ỦY THÁC VÀ ĐẠI LÝ TCTD KHÔNG CHỊU RỦI RO

	<i>31/12/2010</i> <i>triệu đồng</i>	<i>31/12/2009</i> <i>triệu đồng</i>
Vốn cho vay UTĐT nhận từ tổ chức khác	714.724	898.064
	<b>714.724</b>	<b>898.064</b>

## 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

(a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- ▶ có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
- ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;

(d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

(e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d);

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 38. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm 2010 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>triệu đồng</i>
NHNN Việt Nam	Quản lý trực tiếp	Tăng tiền gửi thanh toán, thanh toán bù trừ và dự trữ bắt buộc	101.022.894
NHNN Việt Nam	Quản lý trực tiếp	Giảm tiền gửi thanh toán, thanh toán bù trừ và dự trữ bắt buộc	(102.416.802)
NHNN Việt Nam	Quản lý trực tiếp	Tăng tiền vay từ NHNN	56.834.158
NHNN Việt Nam	Quản lý trực tiếp	Giảm tiền vay từ NHNN	(55.805.059)
Công ty TNHH NN 1 thành viên Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	Cổ đông của Ngân hàng	Tăng thuận tiền cho vay của Ngân hàng	427.479
Công ty TNHH NN 1 thành viên Đóng tàu Bạch Đằng	Cổ đông của Ngân hàng	Giảm tiền cho vay của Ngân hàng	-
Công ty TNHH NN 1 thành viên Đóng tàu Hạ Long	Cổ đông của Ngân hàng	Giảm tiền cho vay của Ngân hàng	-
Công ty TNHH NN 1 thành viên Phà Rừng	Cổ đông của Ngân hàng	Giảm tiền cho vay của Ngân hàng	-

Chi tiết nợ và cho vay các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Các giao dịch</i>	<i>Phải thu triệu đồng</i>	<i>(Phải trả) triệu đồng</i>
NHNN Việt Nam	Quản lý trực tiếp	Tiền gửi thanh toán, thanh toán bù trừ và dự trữ bắt buộc	34.087	-
NHNN Việt Nam	Quản lý trực tiếp	Các khoản vay từ NHNN	-	2.011.548
Công ty TNHH NN 1 thành viên Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Nam Triệu	Cổ đông của Ngân hàng	Cho vay của Ngân hàng	752.222	-

## 39. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<i>Tổng dư nợ cho vay</i>	<i>Tổng tiền gửi</i>	<i>Các cam kết tín dụng (*)</i>	<i>CCTC phải sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán</i>
Trong nước	18.684.558	16.177.534	1.784.914	980.227	7.719.701
Nước ngoài	-	8.514	-	-	-

(\*) Các cam kết tín dụng bao gồm cam kết bảo lãnh tài chính, cam kết thanh toán theo thư tín dụng và cam kết cho vay khách hàng không hủy ngang.



# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 40. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Mục tiêu của Ngân hàng là tối đa hóa giá trị đầu tư của cổ đông, giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi Ngân hàng kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

## 41. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

Ngân hàng đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

### 42.1. *Rủi ro lãi suất*

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản có khác (bao gồm tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản có khác) được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- ▶ Đối với chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán Nợ, thời hạn định lại lãi suất thực tế được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính của từng loại chứng khoán; chứng khoán Vốn được xếp loại khoản mục không chịu lãi;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế còn lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng. Trong thực tế, các khoản mục này có thể có thời gian định lại lãi suất khác nhau.

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

### 42.1. Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

	Quá hạn	Không chịu lãi	Ảnh hưởng do định giá lại lãi suất trong khoảng thời gian từ					Tổng
			Đến 1 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-6 tháng	Từ 6-12 tháng	Từ 1-5 năm	
<b>TÀI SẢN</b>								
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	348.634	-	-	-	-	-	348.634
Tiền gửi tại NHNN	-	-	34.087	-	-	-	-	34.087
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác(*)	-	-	803.690	4.548.981	1.165.011	1.099.748	7.227	7.693.054
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	267.813	-	-	-	-	-	267.813
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	1.801.483	-	1.298.579	3.064.757	2.635.324	1.415.452	4.942.052	18.684.558
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	136.100	80.562	1.619.473	5.321.087	7.451.888
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	281.959	-	-	-	-	-	281.959
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	233.008	-	-	-	-	-	233.008
Tài sản Có khác (*)	-	1.094.088	1.132.405	365.157	341.237	522.720	-	3.455.607
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.801.483</b>	<b>2.225.502</b>	<b>3.268.761</b>	<b>8.114.995</b>	<b>4.222.134</b>	<b>4.657.393</b>	<b>10.270.366</b>	<b>38.450.608</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>								
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	11.346.133	468.994	214.950	413.671	18.009	12.461.757
Tiền gửi của khách hàng	-	-	8.475.936	2.914.452	1.599.774	2.909.766	244.850	16.186.048
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	16.135	-	992	-	-	17.127
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	151.600	176.144	92.235	401.140	43.297	871.574
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	126.232	159.337	15.128	2.052.086	1.400.000	3.752.783
Các khoản nợ khác	-	1.164.985	-	-	-	-	-	1.164.985
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>1.164.985</b>	<b>20.116.036</b>	<b>3.718.927</b>	<b>1.923.079</b>	<b>5.776.663</b>	<b>1.706.156</b>	<b>48.428 34.454.274</b>
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	1.801.483	1.060.517	(16.847.275)	4.396.068	2.299.055	(1.119.270)	8.564.210	3.841.546
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với Lãi suất của các Tài sản và công nợ (ròng)	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng</b>	<b>1.801.483</b>	<b>1.060.517</b>	<b>(16.847.275)</b>	<b>4.396.068</b>	<b>2.299.055</b>	<b>(1.119.270)</b>	<b>8.564.210</b>	<b>3.841.546 3.996.334</b>

(\*): không bao gồm dự phòng rủi ro





## Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

#### 42.2. Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

*Đơn vị: triệu đồng*

	<i>EUR được quy đổi</i>	<i>USD được quy đổi</i>	<i>Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi</i>	<i>Các ngoại tệ khác được quy đổi</i>	<i>Tổng</i>
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	18.078	62.864	57.374	975	139.291
Tiền gửi tại NHNN	-	13.804	-	-	13.804
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	12.292	1.417.255	-	239.815	1.669.362
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	202.216	18.110	151.637	371.963
Cho vay khách hàng (*)	76.004	2.722.730	-	-	2.798.734
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Các tài sản Có khác (*)	150	29.384	265	-	29.799
<b>Tổng tài sản</b>	<b>106.524</b>	<b>4.448.253</b>	<b>75.749</b>	<b>392.427</b>	<b>5.022.953</b>
<b>Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>					
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	1.039.084	-	-	1.039.084
Tiền gửi của khách hàng	315.761	3.624.758	-	4.337	3.944.856
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	217.658	758.868	-	-	976.526
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	3.482	-	-	3.482
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	302.783	-	302.783
Các khoản nợ khác	8.444	140.802	6.027	166.299	321.572
Vốn và các quỹ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>541.863</b>	<b>5.566.994</b>	<b>308.810</b>	<b>170.636</b>	<b>6.588.303</b>
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(435.339)	(1.118.741)	(233.061)	221.791	(1.565.350)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-	-
<b>Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng</b>	<b>(435.339)</b>	<b>(1.118.741)</b>	<b>(233.061)</b>	<b>221.791</b>	<b>(1.565.350)</b>

(\*): không bao gồm dự phòng rủi ro

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

### 42.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, ngân hàng phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của ngân hàng. Đồng thời ngân hàng cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- ▶ Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng;
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị dư nợ ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

## Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 42. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

#### 42.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Đơn vị: triệu đồng				
	Quá hạn		Trong hạn		
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Từ 1-3 tháng	Từ 3-12 tháng	Tổng
<b>Tài sản</b>					
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	348.634	-	-	348.634
Tiền gửi tại NHNN	-	34.087	-	-	34.087
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	803.690	4.548.981	2.264.759	7.693.054
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	267.813	-	267.813
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	961.374	840.109	3.064.757	4.050.776	3.526.911
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	136.100	1.700.035	294.666
Góp vốn, đầu tư dài hạn(*)	-	-	-	-	281.959
Tài sản có định và bất động sản đầu tư	-	-	-	-	233.008
Tài sản Có khác(*)	-	1.818.951	365.157	1.271.499	3.455.607
<b>Tổng tài sản</b>	<b>961.374</b>	<b>840.109</b>	<b>8.382.808</b>	<b>9.287.069</b>	<b>38.450.608</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	468.994	628.621	12.461.757
Tiền gửi của khách hàng	-	11.346.133	2.914.452	41.270	16.186.048
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	16.135	-	992	17.127
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	151.600	176.144	43.297	871.574
Các khoản nợ khác	-	126.232	159.337	2.067.214	3.752.783
	-	-	-	1.400.000	1.164.985
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>20.116.036</b>	<b>3.718.927</b>	<b>8.864.727</b>	<b>34.454.274</b>
<b>Mức chênh lệch thanh khoản ròng</b>	<b>961.374</b>	<b>840.109 (15.812.095)</b>	<b>4.663.881</b>	<b>422.342</b>	<b>3.996.334</b>

(\*): không bao gồm dự phòng rủi ro

# Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hà Nội

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 43. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	31/12/2010 triệu đồng	31/12/2009 triệu đồng
Các cam kết vốn xây dựng văn phòng làm việc và mua sắm thiết bị	-	-
Các cam kết góp vốn đầu tư mua cổ phần	-	41.200
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	192.555	84.257
Trong đó:		
- đến hạn trong 1 năm	2.670	1.205
- đến hạn từ 2 đến 5 năm	106.299	44.338
- đến hạn sau 5 năm	83.586	38.714

## 44. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2011, Ngân hàng đã có thông báo về việc trả cổ tức đợt hai năm 2010. Theo thông báo, tỷ lệ cổ tức lần 2 là 6% (tương đương 600 đồng/cổ phiếu) và 28 tháng 1 năm 2011 là ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức.

## 45. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	31/12/2010 đồng	31/12/2009 đồng
USD	19.495	18.479
EUR	27.641	27.277
GBP	32.077	30.423
CHF	23.229	18.251
JPY	255	205
SGD	17.540	13.470
CAD	20.775	17.944
AUD	21.107	16.992

Ngân hàng sử dụng tỷ giá bình quân giữa giá mua và giá bán ngoại tệ chuyển khoản vào cuối ngày 31 tháng 12 năm 2010 để quy đổi các báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

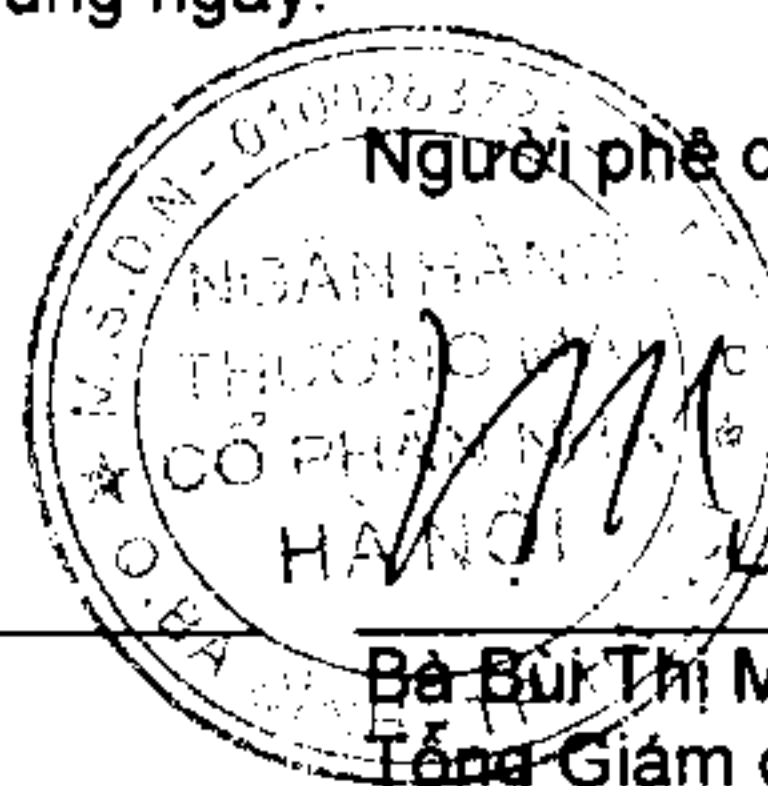
Người lập:

Bà Phạm Thị Đông Thành  
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Lê Cẩm Tú  
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Bà Bùi Thị Mai  
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2011